

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 01 - 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan.

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc A., sinh năm 1998. Nơi ĐKTT: Số 38/4^C đường N., khóm N., phường M., thành phố L., tỉnh An Giang; Nơi ở: Căn hộ số 225, chung cư B, đường N1, thành phố L., tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Chang Chih P., sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số 59 hẻm H., đoạn 3, lộ Đ., khóm 003, phường N., khu H., thành phố Đ., Đài Loan (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc A. trình bày: Bà và ông Chang Chih P. do mai mối mới quen biết và tìm hiểu để đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố L., tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88 ngày 15/10/2018. Sau khi kết hôn, ông Chang Chih P. về Đài Loan, còn bà A. tiếp tục sinh sống ở Việt Nam. Thời gian đầu bà và ông P. có liên lạc nhau qua điện thoại nhưng sau đó bà không liên lạc được với ông Chang Chih P.. Ông Chang Chih P. cũng không sang

Việt Nam hay liên lạc với bà. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Ngọc A. xin ly hôn với ông Chang Chih P..

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Chang Chih P.: Đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án theo đúng thủ tục ủy thác tư pháp. Bộ Tư pháp đã có văn bản trả lời đã nhận toàn bộ hồ sơ ủy thác cho bị đơn ông Chang Chih P. và tiến hành tổng đạt cho đương sự theo thời hạn luật định nhưng đến nay ông Chang Chih P. vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc A..

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Ngọc A. khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Chang Chih P. có địa chỉ cư trú tại Đài Loan nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[1.2] Sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc A. có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Chang Chih P., Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc A. và bị đơn ông Chang Chih P. thông qua sự giới thiệu đã tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố L., tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88 ngày 15/10/2018 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng là phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ chung thủy, yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, theo như bà A. trình bày thì bà và ông P. sau khi kết hôn thì vợ chồng không chung sống cùng với nhau mà ông P. về Đài Loan, còn bà A. tiếp tục sinh sống ở Việt Nam. Từ lúc ông P. trở về Đài Loan tới nay thì không quay về Việt Nam thăm bà. Thời gian đầu bà và ông P. có liên lạc nhau qua điện thoại, qua mạng internet. Nhưng tình cảm của hai người ngày dần phai nhạt và

hiện nay hai bên không còn liên lạc gì với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà Nguyễn Ngọc A. yêu cầu ly hôn ông Chang Chih P. là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Bà A. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tổng đạt, ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc A.;

1. Bà Nguyễn Ngọc A. được ly hôn với ông Chang Chih P.. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88 ngày 15/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố L., tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về nợ chung: Ghi nhận việc bà Nguyễn Ngọc A. xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Nguyễn Ngọc A. và ông Chang Chih P. trong thời kỳ hôn nhân thì bà A. và ông Chang Chih P. phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc A. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003302 ngày 25/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong)

5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc A. phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006855 ngày 27/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Ngọc A. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Ông Chang Chih P. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- UBND thành phố L.;
- Phòng KTNV & THA;
- Tòa GĐ & NCTN
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “để thi hành”;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy Hồng